TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2017
V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Lương Thị Phương**

Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình ghi biên bản phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Thùy Linh** - Thư ký phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đỗ Huy H**, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Cù Thị Kim N**, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Đỗ Huy H và chị Cù Thị Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 tại UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về ở tại số 2 ngõ 71 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 4/2017 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến

nay. Những mâu thuẫn của vợ chồng anh chị được gia đình hai bên nội ngoại có biết có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh H xác nhận không còn tình cảm với chị N nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng xác nhận có một con chung là cháu Đỗ Nhật M, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2016. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng để chị N nuôi con chung và anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Chị N có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh H đưa cho chị 360.000.000 đồng/6 năm tiền cấp dưỡng nuôi con chung và cam kết chu cấp tiền cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên xác nhận không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai nay nợ.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tuy nhiên bị đơn có mặt nhưng không ký vào các biên bản hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 8 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03.12.2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tống đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1 Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209; Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo qui định tại Điều 63; Điều 227 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68; 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51; 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh H và chị N. Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, anh H đóng góp nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Huy H và chị Cù Thị Kim N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Huy H và chị Củ Thị Kim N là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 tại UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Những mâu thuẫn của vợ chồng, gia đình anh H có biết có khuyên giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến gia đình của anh Đỗ Huy H là bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh H cho biết: Cháu H và cháu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 tại UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cháu về ở tại gia đình tôi tại số 2 ngõ 71 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến

tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng cháu luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cháu N đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 4/2017 đến nay. Những mâu thuẫn của vợ chồng hai cháu gia đình chúng tôi có biết có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay cháu H xin ly hôn với cháu N thì chúng tôi thấy vợ chồng hai cháu đã có nhiều mâu thuẫn. Việc cháu H nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn và muốn ly hôn với cháu N, chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho hai cháu ly hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Nhật M, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2016. Khi ly hôn cháu H có nguyện vọng để cháu N nuôi con và cháu H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Hiện nay cháu H không có công ăn việc làm ổn định, nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 triệu/tháng. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nhà ở, các khoản nợ: Cháu H và cháu N không cho gia đình tôi vay nợ và không vay nợ gia đình tôi.

Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của tổ trưởng tổ dân phố số 72 phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ông Nguyễn Văn Tịch cho biết: Anh Đỗ Huy H và chị Cù Thị Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2016 tại UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại số 2 ngõ 71 phố Nguyễn Phúc Lai. Trong quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên là những mâu thuẫn nhỏ và anh chị cũng tự giải quyết không thông báo gì với tổ dân phố. Vì vậy, tổ dân phố cũng không nắm bắt được. Nay anh H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đỗ Nhật M, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2016 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nhà ở và các khoản nợ: Tổ dân phố không nắm bắt được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Tại bản tự khai và hòa giải của chị N tại Tòa án với nội dung: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2016 tại UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tháng 4/2016 chị N có sinh cháu Nhật M tại bệnh viện Việt Nhật, trong quá trình mang bầu và sinh em bé vợ chồng anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và chị có nghi ngờ về lòng chung thủy của anh H, anh H cũng không quan tâm chăm sóc mẹ con chị. Hiện tại chị và cháu Nhật M đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay anh H xin ly hôn chị không đồng ý vì hiện nay con chị vẫn còn nhỏ, chị có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con. Về con chung: có một con chung là cháu Đỗ Nhật M, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2016, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/1 tháng. Trong trường hợp anh H đồng ý đưa cho chị 360.000.000 đồng/6 năm tiền cấp

dưỡng nuôi và cam kết chu cấp tiếp cho đến khi con đủ 18 tuổi chị sẽ đồng ý ly hôn. Về tài sản và nhà ở: vợ chồng xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ: vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N có mặt nhưng không ký vào bất cứ văn bản nào của Tòa án và bản thân vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2017. Tại phiên tòa anh H xin ly hôn và chị N nhất trí. Kể từ ngày xảy ra mâu thuẫn cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm chị N cũng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ghi nhận sự tự nguyên ly hôn của anh H và chị N nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có một chung là cháu Đỗ Nhật M, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2016. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng để chị N nuôi con chung và anh H đóng góp tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng và chị N cũng đồng ý nuôi con và có yêu cầu anh H cấp dưỡng 360.000.000 đồng/ 6 năm tiền cấp dưỡng nuôi và cam kết chu cấp tiếp cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện tại cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu của chị N yêu cầu anh H 360.000.000 (Ba trăm sáu mươi triệu) đồng tiền cấp dưỡng nuôi con trong vòng 6 năm. Anh H cũng có trình bày từ tháng 5/2017 đến nay anh không còn phục vụ trong ngành Công an hiện đang thất nghiệp nên không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N. Xét thấy yêu cầu của chị N không có căn cứ để chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng là phù hợp quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nhà ở: Anh H, chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết có nên Tòa án không xem xét.

Về khoản nợ: Anh H, chị N xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh H, chị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; các Điều 203; 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh **Đỗ Huy H** và chị **Cù Thị Kim N**.

2. Về con chung: Giao cháu **Đỗ Nhật M**, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2016 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/1 tháng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Đỗ Huy H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Anh H, chị N xác nhận không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về khoản nợ: Anh H, chị N xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Đỗ Huy H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **7454** ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đỗ Huy H, chị Cù Thị Kim N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11 tháng 9 năm 2017.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Long